

Bản án số: 206/2023/DS-ST

Ngày: 10/7/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ;

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 752/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3965/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4553/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường V (Phường T cũ), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (theo Giấy ủy quyền số 801/2023/UQ-TGD ngày 10/4/2023).

Địa chỉ: Số 278 N, phường V (Phường T cũ), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Tấn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: TK15/33 N, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai, biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S - ông Lã Ngọc M trình bày:*

Ngày 09/9/2009, Bị đơn là ông Nguyễn Tấn H có ký với Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ theo đề nghị và thu nhập của Bị đơn, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ

tín dụng, số thẻ 472074-6742 cho Bị đơn với hạn mức 10.000.000 đồng/tháng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.8%/tháng và có thể được điều chỉnh theo từng giai đoạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 10.618.000 đồng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mới chỉ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 1.800.000 đồng. Ngày 16/11/2010, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Đến nay các khoản nợ của Bị đơn đã quá hạn thanh toán, Nguyên đơn đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng Bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán. Do đó để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 10/7/2023 là 91.451.348 đồng (bao gồm nợ gốc: 17.730.008 đồng; nợ lãi quá hạn 73.721.340 đồng). Nợ lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi Bị đơn thanh toán hết các khoản nợ cho Nguyên đơn.

** Bị đơn là ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không bổ sung chứng cứ mới, không có ý kiến gì về các chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/5/2023.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu Bị đơn trả số nợ gốc 17.730.008 đồng; nợ lãi quá hạn 73.721.340 đồng do chậm thanh toán tính từ ngày 16/11/2010 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo kết quả xác minh của Công an xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bị đơn ông Nguyễn Tấn H không cư trú tại địa chỉ 13/14 Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ấp Trung Đông, xã T không có địa chỉ 13/14 Đ, xã Thới Tam, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh ngày 03/6/2022 của Công an phường C, Quận M thì ông Hỷ có địa chỉ thường trú tại TK15/33 N, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay ông Hỷ không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ.

Theo kết quả xác minh của Công an phường X, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bị đơn không đăng ký thường trú/tạm trú và cũng không thực tế cư trú hay làm việc tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu may TP tại địa chỉ số 4A3 Khu biệt thự X, phường X, Quận MH.

Như vậy, có cơ sở để xác định nơi cư trú cuối cùng của Bị đơn là nơi Bị đơn đăng ký thường trú tại địa chỉ TK15/33 N, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Qua việc xác minh nơi cư trú của Bị đơn như đã nêu trên, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của Bị đơn, việc Bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, đại diện Nguyên đơn tham gia đầy đủ khi có Giấy triệu tập của Tòa, Bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, đại diện Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lã Ngọc M. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi tiền nợ gốc:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 03011039xx do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/9/2009 đính kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tóm tắt sao kê, thông báo vi phạm Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, bảng chi tiết tính lãi mà Nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của Nguyên đơn có cơ sở để xác định Bị đơn đã được Nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế S Visa. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 10.618.000 đồng, tuy nhiên Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, mới chỉ thanh toán cho Nguyên đơn tiền gốc và lãi với số tiền 1.800.000 đồng. Ngày 16/11/2010, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn.

Do vậy, xét việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 17.730.008 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về trả tiền lãi:

Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn quy định như sau “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán... Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ”.

Điều 22 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn quy định “Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ”.

Theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S visa mà Nguyên đơn áp dụng từ ngày 27/4/2020 là 1,8%/tháng.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định như sau: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ theo đề nghị và thu nhập của Bị đơn, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Bị đơn với hạn mức 10.000.000 đồng/tháng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.8%/tháng và có thể được điều chỉnh theo từng giai đoạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S tại các thời kỳ xác định Bị đơn trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn. Vì vậy việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/11/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 10/7/2023 với tổng số tiền 73.721.340 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng

đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 11/7/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi Bị đơn trả hết nợ.

[2.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền Bị đơn đã sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Bị đơn.

[2.4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Nguyễn Tấn H trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/7/2023 tổng cộng 91.451.348 đồng (Chín mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), bao gồm: nợ gốc là 17.730.008 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, tám đồng); nợ lãi quá hạn

là 73.721.340 đồng (Bảy mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Tấn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng đính kèm Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S ngày 09/9/2009.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí là 4.572.567 đồng (Bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng). Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.851.455 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0077353 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S, ông Nguyễn Tấn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền